

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2020/HS-ST
Ngày 08-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Đới

Bà Vũ Thị Quỳ

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Linh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lương Cao H, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2000 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 8, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Cao T1, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1979; tiền án: tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/4/2020, có mặt.

2. Trần Đăng N, sinh ngày 05 tháng 7 năm 1999 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 1, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đăng B1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1971; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/4/2020, có mặt.

*Bị hại:*Chùa T; địa chỉ: Thôn 4, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng do bà Đỗ Thị L, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn 4, xã D, huyện K đại diện, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền ăn tiêu, Lương Cao H rủ Trần Đăng N đi trộm cắp tài sản, N đồng ý. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18/02/2020, H chuẩn bị cầm theo một chiếc túi vải, bên trong túi đựng 02 chiếc cò lê bằng kim loại gồm 01 chiếc số 30 và 01 chiếc số 19, 01 tô vít cán nhựa màu vàng, 01 kìm có hai cán nhựa màu đỏ đen. Sau đó, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 29K6 - 8019 đến nhà đón N đi từ xã C, huyện V để tìm kiếm ngôi chùa nào vắng vẻ, xa khu dân cư sẽ vào trộm cắp tiền trong hòm công đức. Khi đến khu vực chùa T ở thôn 4, xã D, huyện K, H, N dựng xe mô tô ở khu vực bờ hồ trước cổng chùa rồi trèo qua tường bao vào trong. H, N lần lượt đi vào các gian thờ Mẫu, gian thờ Tam Bảo hạ 02 hòm công đức bằng gỗ và 02 hòm công đức dạng kết sắt xuống. N cầm điện thoại iPhone 6s Plus của H, bật tính năng đèn flash soi cho H dùng cò lê, tô vít cạy phá các hòm công đức. Sau đó, cả hai lấy được 570.000 đồng bên trong các hòm công đức cho vào túi vải mà H đang đeo. Trong lúc cùng H lấy tiền, N lấy được 01 chiếc phong bì có 2.000.000 đồng và để ở túi áo đang mặc. Cả hai đang lấy tiền trong kết sắt trước ban thờ Phật thì thấy có người đến, H liền đưa túi vải cho N cầm và lấy thêm được 75.000 đồng rồi cả hai chạy ra ngoài theo lối tường bao bỏ trốn. Quá trình bỏ chạy, H, N bỏ quên chiếc điện thoại iPhone 6s Plus. Trong khi lấy tiền, đối với một số tờ tiền có mệnh giá nhỏ là 1.000 đồng và 2.000 đồng thì N, H không lấy mà vứt xuống nền nhà của gian thờ, đối với số tiền khác gồm tiền trong kết sắt trước ban thờ Phật và số tiền có mệnh giá từ 5.000 đồng trở lên rơi xung quanh các hòm công đức do bị phát hiện, vội vàng bỏ chạy nên chưa kịp lấy. Số tiền 2.000.000 đồng trong chiếc phong bì N đã tự chi tiêu hết.

Kết luận định giá tài sản ngày 27/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận:

- 01 kết sắt Việt Tiệp, kích thước 80 x 36,5 x 52,5cm, tại mặt ngoài bờ mép cánh cửa, dọc theo thân cánh cửa và các chốt theo cửa của kết sắt bị cạy phá làm cong vênh, móp méo, không thể sửa chữa, sử dụng được, trị giá 1.200.000 đồng.

- 01 kết sắt Việt Tiệp, kích thước 90 x 55 x 38cm, tại vị trí mặt trước phía trên góc bên trái (điểm nối giữa cánh cửa và thân thành cánh cửa kết sắt) bị cạy phá đục thủng 01 lỗ kích thước 5 x 9 cm, không thể sửa chữa, sử dụng được, có trị giá 1.000.000 đồng.

- 01 hòm công đức bằng gỗ kích thước 38 x 35 x 69cm, phần ổ khóa và bản lề bị bong bật gãy rời, cánh cửa hòm công đức bung ra ngoài. Thay khóa và bản lề mới có trị giá 150.000 đồng.

- 01 hòm công đức bằng gỗ kích thước 38 x 35 x 69cm, phần ổ khóa bị phá hỏng. Thay ổ khóa mới có trị giá 50.000 đồng.

Tổng trị giá các tài sản bị thiệt hại là 2.400.000 đồng.

Kết luận giám định số 109/KLGD ngày 21/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: 01 tập tin video có phần mở rộng “DAV” dung lượng 420MB được lưu trong USB màu đen, nhãn hiệu Kingston 32GB đã qua sử dụng không bị cắt ghép, chỉnh sửa.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKSKT ngày 27 tháng 7 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Lương Cao H, Trần Đăng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 và tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 29K6-8019, Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc phương tiện nên tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Đối với số tiền 645.000 đồng do các bị cáo giao nộp lại và số tiền 2.164.000 đồng là tiền rơi vãi xung quanh các hòm công đức và còn lại trong két sắt, Cơ quan điều tra đã trả lại chùa T.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Cao H từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 06- 09 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”, tổng hợp hình phạt xử phạt bị cáo H từ 15 – 21 tháng tù; xử phạt bị cáo Trần Đăng N từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 06- 09 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”, tổng hợp hình phạt bị cáo Trần Đăng N từ 12 – 18 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo;

Về dân sự: Bị hại đã nhận bồi thường đầy đủ và không có yêu cầu đề nghị nào khác nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét;

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: 02 chiếc cờ lê bằng kim loại gồm 01 chiếc dài 32cm ghi số 30 và 01 chiếc dài 23cm ghi số 19; 01 chiếc tô vít dài 19cm có cán nhựa màu vàng; 01 chiếc kim dài 18cm có hai cán nhựa màu đỏ đen; 01 túi vải đeo chéo màu xanh có in chữ Puma. Đây là dụng cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu đen xám và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Titel màu đen là dụng cụ dùng vào việc phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Ý kiến của các bị cáo Lương Cao H, Trần Đăng N: Các bị cáo H, N thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố là đúng; các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Ý kiến của bị hại: Bà Đỗ Thị L là đại diện cho Chùa T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện các bị cáo đã bồi thường đầy đủ, nhà chùa không có yêu cầu nào khác đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Lương Cao H, Trần Đăng N khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp cho bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ được, bản kết luận định giá cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18/2/2020, bị cáo Lương Cao H, Trần Đăng N đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 2.645.000 đồng. Đồng thời trong quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản các bị cáo đã có hành vi cạy phá, hủy hoại các hòm công đức của chùa, tổng trị giá tài sản bị hủy hoại là 2.400.000 đồng. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc trộm cắp tài sản và hủy hoại tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do nhu cầu cá nhân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo H, N phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” và “Hủy hoại tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự như đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K kết luận tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt trong tội “Trộm cắp tài sản”: Theo nội dung bản cáo trạng và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát kết luận các bị cáo chiếm đoạt số tiền là 4.265.000 đồng bao gồm số tiền các bị cáo đã lấy được là

2.645.000 đồng và số tiền bị rơi vãi xung quanh hòm công đức và còn lại trong hòm công đức là 1.620.000 đồng. Tuy nhiên xét, trên thực tế các bị cáo mới chỉ chiếm đoạt được số tiền là 2.645.000 đồng, số tiền 1.620.000 đồng là tiền rơi vãi xung quanh các hòm công đức và tiền còn lại trong hòm công đức mà các bị cáo chưa chiếm đoạt được, còn nguyên tại hiện trường, đã được cơ quan điều tra trả lại đầy đủ cho bị hại và bị hại không có ý kiến, đề nghị gì khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không biết trong hòm công đức có bao nhiêu tiền và các bị cáo cũng không xác định được sẽ lấy bao nhiêu tiền do vậy không thể buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm với toàn bộ số tiền có trong hòm công đức mà chỉ phải chịu trách nhiệm đối với số tiền các bị cáo thực tế chiếm đoạt được. Do vậy chỉ có căn cứ kết luận các bị cáo đã chiếm đoạt số tiền là 2.645.000 đồng như kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K là có căn cứ. Không chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân kết luận các bị cáo đã chiếm đoạt số tiền là 4.265.000 đồng.

[3] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn xảy ra tại chùa là nơi thờ tự, có giá trị tâm linh trong văn hóa và đời sống nhân dân, gây mất trật tự trị an và bức xúc trong quần chúng nhân dân nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc dành cho các bị cáo mới tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội cũng như có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không vi phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo H, N đều khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn ăn hối cải và đã bồi thường đầy đủ cho bị hại, bị hại có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và các bị cáo đều có thời gian tham gia quân đội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét cho cả hai bị cáo Lương Cao H và Trần Đăng N khi lượng hình.

[5] Xét đây là vụ án có đồng phạm nên cần đánh giá vai trò của từng bị cáo để có mức án phù hợp:

- Đối với tội “Trộm cắp tài sản”: Trong vụ án này bị cáo Lương Cao H là người đề xuất, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện để phạm tội đồng thời là người thực hành tích cực nên có vai trò cao hơn so với bị cáo Trần Đăng N nên mức hình phạt

của bị cáo H phải cao hơn so với bị cáo N và phải trên mức khởi điểm của khung hình phạt.

- Đối với tội “Hủy hoại tài sản”, cả hai bị cáo Lương Cao H và Trần Đăng N đều phạm tội với vai trò ngang nhau nên mức hình phạt bằng nhau.

Xét nhân thân các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn ănh hối cải đồng thời đã bồi thường đầy đủ cho bị hại, bị hại có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo đều có thời gian tham gia quân đội, do vậy chỉ cần xử bị cáo H, N ở trong khung hình phạt như đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 178 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy các bị cáo không có nghề ổn định, không có tài sản riêng nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[7] Về dân sự: Đại diện hợp pháp cho bị hại chùa T là bà Đỗ Thị L khai đã nhận đầy đủ tiền bồi thường, bà không có yêu cầu bồi thường nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 02 chiếc cờ lê bằng kim loại gồm 01 chiếc dài 32cm ghi số 30 và 01 chiếc dài 23cm ghi số 19; 01 chiếc tô vít dài 19cm có cán nhựa màu vàng; 01 chiếc kìm dài 18cm có hai cán nhựa màu đỏ đen; 01 túi vải đeo chéo màu xanh có in chữ Puma. Đây là dụng cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu đen xám và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Titel màu đen là dụng cụ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Cao H 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 06 (sáu) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lương Cao H phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần

Đăng N 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 06 (sáu) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Đăng N phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Lương Cao H, Trần Đăng N không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm các bị cáo H, N đi chấp hành án phạt tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 chiếc cờ lê bằng kim loại gồm 01 chiếc dài 32cm ghi số 30 và 01 chiếc dài 23cm ghi số 19; 01 chiếc tô vít dài 19cm có cán nhựa màu vàng; 01 chiếc kìm dài 18cm có hai cán nhựa màu đỏ đen; 01 túi vải đeo chéo màu xanh có in chữ Puma;

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu đen xám số IMEI 353323071722531 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Titel số 354975084259444 màu đen.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng)

- Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Lương Cao H, Trần Đăng N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND; TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Phòng PV06; PC10 Công an Hải Phòng
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã T, V;
- UBND xã C, V
- Bị cáo; bị hại
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang